

Số: 19 /BC-UBND

Ia Lang, ngày 13 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả đánh giá thực trạng xã nông thôn mới theo Quyết định số 710/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 của UBND tỉnh Gia Lai

Thực hiện Công văn số 171/UBND-KT ngày 09/02/2023 của UBND huyện Đức Cơ về việc đôn đốc việc đánh giá thực trạng xã nông thôn mới theo Quyết định số 710/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 của UBND tỉnh Gia Lai. UBND xã báo cáo kết quả đánh giá như sau:

UBND xã đã chỉ đạo công chức chuyên môn phối hợp với các bộ phận có liên quan tiến hành rà soát, tổng hợp. Kết quả đánh giá các Tiêu chí xã nông thôn mới theo Quyết định số 710/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 của UBND tỉnh Gia Lai 2022: xã Ia Lang đạt 10/19 tiêu chí; 44/57 nội dung, cụ thể như sau:

- Tiêu chí 1 (nội dung 1.1, 1.2); Tiêu chí 2 (nội dung 2.1, 2.2, 2.3, 2.4); Tiêu chí 3 (nội dung 3.1, 3.2); Tiêu chí 4 (nội dung 4.1, 4.2); Tiêu chí 5; Tiêu chí 7; Tiêu chí 8 (nội dung 8.1, 8.2, 8.3, 8.4); Tiêu chí 9 (nội dung 9.2); Tiêu chí 12; Tiêu chí 13 (nội dung 13.1, 13.2, 13.3, 13.4); Tiêu chí 14 (nội dung 14.1, 14.2); Tiêu chí 15 (nội dung 15.1, 15.2, 15.3); Tiêu chí 16; Tiêu chí 17 (nội dung 17.1, 17.2, 17.3, 17.4, 17.5, 17.8, 17.9, 17.10, 17.11, 17.12); Tiêu chí 18 (nội dung 18.2, 18.3, 18.4, 18.5, 18.6); Tiêu chí 19 (nội dung 19.1).

- Còn lại 09 tiêu chí/13 nội dung chưa đạt, gồm: Tiêu chí 6 (nội dung 6.1, 6.2, 6.3); Tiêu chí 9 (nội dung 9.1); Tiêu chí 10; Tiêu chí 11; Tiêu chí 13 (nội dung 13.5); Tiêu chí 15 (nội dung 15.4); Tiêu chí 17 (nội dung 17.6, 17.7, 17.12); Tiêu chí 18 (nội dung 18.1); Tiêu chí 19 (Nội dung 19.2).

(Có phụ lục kèm theo).

Để xây dựng kế hoạch thực hiện năm 2023, UBND xã đăng ký thực hiện 03 nội dung sau: Nội dung Trường PTDTBT Tiểu học Lê Quý Đôn đạt chuẩn (Tiêu chí số 5); Nội dung 6.3; Nội dung 13.5.

Ủy ban nhân dân xã báo cáo Phòng Nông nghiệp – PTNT biết, tổng hợp./.

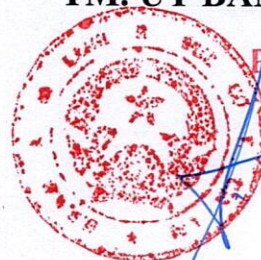
Nơi nhận:

- Phòng Nông nghiệp -PTNT huyện (b/c);
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lưu Văn Thanh

PHỤ LỤC 01:
TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NĂM 2022

STT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí (Theo QĐ 250 (Bộ tiêu chí cũ))	Quy định đạt chuẩn	Kết quả đánh giá đến 31/12/2022 (Theo QĐ 250 (Bộ tiêu chí cũ))		Nội dung tiêu chí (Theo QĐ 710 (Bộ tiêu chí mới))	Quy định đạt chuẩn	Kết quả đánh giá đến 31/12/2022 (Theo QĐ 710 (Bộ tiêu chí mới))		Ghi chú
				Thực trạng đến 31/12/2022	Đánh giá (Đạt/ không đạt)			Thực trạng đến 31/12/2022	Đánh giá (Đạt/ không đạt)	
1	Quy hoạch	1.1 Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn.	Đạt	Có quy hoạch chung của xã đã được phê duyệt	Đạt	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Đạt	Đạt	
		1.2 Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.	Đạt	Đã ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã	Đạt	1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt	
2	Giao thông	2.1 Đường xã và đường từ TT xã đến đường huyện được nhựa hoá hoặc bê tông hoá, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.	Tỷ lệ nhựa hoá hoặc bê tông hoá 100%	8,9/8,9km (100%)	Đạt	2.1. Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%	8,9/8,9km (100%)	Đạt	
		2.2 Đường trục thôn, làng và liên thôn, làng được cứng hoá, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	Tỷ lệ cứng hoá ≥70%	Số km đã được cứng hoá: 8,3/8,3km (100%)	Đạt	2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	≥80%	Số km đã được cứng hoá: 8,3/8,3km (100%)	Đạt	
		2.3 Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa.	Đạt 100% Trong đó tỷ lệ cứng hóa ≥ 50%	100%km không lầy lội; trong đó cứng hoá 8/11,3km (70,7%)	Đạt	2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm	Cứng hóa ≥70%	100%km không lầy lội; trong đó cứng hoá 8/11,3km (70,7%)	Đạt	

Handwritten signature

STT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí (Theo QĐ 250 (Bộ tiêu chí cũ))	Quy định đạt chuẩn	Kết quả đánh giá đến 31/12/2022 (Theo QĐ 250 (Bộ tiêu chí cũ))		Nội dung tiêu chí (Theo QĐ 710 (Bộ tiêu chí mới))	Quy định đạt chuẩn	Kết quả đánh giá đến 31/12/2022 (Theo QĐ 710 (Bộ tiêu chí mới))		Ghi chú
				Thực trạng đến 31/12/2022	Đánh giá (Đạt/ không đạt)			Thực trạng đến 31/12/2022	Đánh giá (Đạt/ không đạt)	
		2.4 Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hoá thuận tiện quanh năm.	Tỷ lệ cứng hóa ≥ 70%	Số km được cứng hoá: 24/30,5km, tỷ lệ (78,7%), trong đó 10,5km đã nhựa hóa, 13,5 km đường đất cứng đảm bảo thuận tiện vận chuyển hàng hóa	Đạt	2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	Cứng hóa ≥ 70%	Số km được cứng hoá: 24/30,5km, tỷ lệ (78,7%), trong đó 10,5km đã nhựa hóa, 13,5 km đường đất cứng đảm bảo thuận tiện vận chuyển hàng hóa	Đạt	
3	Thủy lợi	3.1 Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên.	Đạt	+ Có 1.546,7/1.566,8ha diện tích cây trồng tưới, tiêu nước chủ động, chiếm 98,7%. + Có 5,5/5,5 ha diện tích đất nuôi trồng thủy sản của xã được cấp thoát nước chủ động,; chiếm 100%	Đạt	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	Đạt	+ Có 1.546,7/1.566,8ha diện tích cây trồng tưới, tiêu nước chủ động, chiếm 98,7%. + Có 5,5/5,5 ha diện tích đất nuôi trồng thủy sản của xã được cấp thoát nước chủ động, chiếm 100%	Đạt	
		3.2 Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt	Cơ bản triển khai đầy đủ các nội dung phòng, chống thiên tai và TKCN theo Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04/7/2014 của Chính phủ. Đạt	Đạt	3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	Cơ bản triển khai đầy đủ các nội dung phòng, chống thiên tai và TKCN theo Nghị định số 66/2014/NĐ- CP ngày 04/7/2014 của Chính phủ.	Đạt	
4	Điện	4.1 Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	Hệ thống điện và nguồn điện của xã cơ bản đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện về cột, xà, đường dây trung, hạ thế, đường dây hạ áp và 05 máy biến áp	Đạt	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	Hệ thống điện và nguồn điện của xã cơ bản đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện về cột, xà, đường dây trung, hạ thế, đường dây hạ áp và 05 máy biến áp	Đạt	
		4.2 Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện	≥ 98%	Có 1.078/1.078 hộ (100%) Đạt	Đạt	4.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥ 95%	Có 1.078/1.078 hộ (100%) Đạt	Đạt	

STT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí (Theo QĐ 250 (Bộ tiêu chí cũ))	Quy định đạt chuẩn	Kết quả đánh giá đến 31/12/2022 (Theo QĐ 250 (Bộ tiêu chí cũ))		Nội dung tiêu chí (Theo QĐ 710 (Bộ tiêu chí mới))	Quy định đạt chuẩn	Kết quả đánh giá đến 31/12/2022 (Theo QĐ 710 (Bộ tiêu chí mới))		Ghi chú
				Thực trạng đến 31/12/2022	Đánh giá (Đạt/ không đạt)			Thực trạng đến 31/12/2022	Đánh giá (Đạt/ không đạt)	
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non, mẫu giáo; tiểu học; THCS có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn Quốc gia.	≥70%	02/03 Trường (66,67%) (Trường PTDTBT THCS SiuBLEH)	Chưa đạt	Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định	a) Các xã có hơn 3 trường: 100% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu, trong đó ≥70% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1. b) Xã có từ 3 trường trở xuống: 100% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu, trong đó ≥50% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1.	02/03 Trường (66,67%) (Trường PTDTBT THCS SiuBLEH)	Chưa đạt	
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt VH, TT của toàn xã.	Đạt	Xã đã có nhà văn hóa đa năng	Đạt	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	Đạt	Xã chưa có phòng chức năng nhà văn hóa đa năng; Trang thiết bị nhà văn hóa chưa đạt; chưa có loại hình câu lạc bộ sở thích để tạo điều kiện cho nhân dân tham gia sinh hoạt	Chưa đạt	
		6.2 Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	Đạt	Xã đã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi	Đạt	6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	Đạt	Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi nhưng chưa phù hợp theo quy định	Chưa đạt	

Handwritten signature

STT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí (Theo QĐ 250 (Bộ tiêu chí cũ))	Quy định đạt chuẩn	Kết quả đánh giá đến 31/12/2022 (Theo QĐ 250 (Bộ tiêu chí cũ))		Đánh giá (Đạt/ không đạt)	Ghi chú	
7	Cơ sở hạ tàng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa.	Đạt	Xã có 33 điểm tạp hóa để trao đổi, mua bán	Đạt	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Đạt	
		6.3 Tỷ lệ thôn, làng có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng.	100%	05/05 làng có nhà sinh hoạt văn hóa (100%)	Đạt	6.3 Tỷ lệ thôn, làng, (gọi chung là khu dân cư) có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng		
						100%	Trang thiết bị nhà sinh hoạt cộng đồng ở các thôn chưa được trang bị đầy đủ	Chưa đạt
							Thực trạng đến 31/12/2022	Đánh giá (Đạt/ không đạt)
	Quy định đạt chuẩn	Kết quả đánh giá đến 31/12/2022 (Theo QĐ 710 (Bộ tiêu chí mới))	Quy định đạt chuẩn	Nội dung tiêu chí (Theo QĐ 710 (Bộ tiêu chí mới))		100%		
8	Thông tin và truyền thông	8.1 Xã có điểm phục vụ bưu chính.	Đạt	Xã có điểm phục vụ bưu chính	Đạt	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Xã có điểm phục vụ bưu chính	Đạt
		8.2 Xã có dịch vụ viễn thông, Internet	≥30%	Xã có dịch vụ viễn thông, Internet	Đạt	8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, Internet	Xã có dịch vụ viễn thông, Internet	Đạt
		8.3 Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	Đạt	Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	Đạt	8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	Đạt
		8.4 Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.	Đạt	Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Đạt	8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Đạt
9	Nhà ở dân cư	9.1 Nhà tạm, dột nát	Không có	Không có nhà tạm, dột nát	Đạt	9.1. Nhà tạm, dột nát	Trên địa bàn xã vẫn còn nhà tạm, nhà dột nát	Chưa đạt
		9.2 Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	≥75%	942/1.078 hộ đạt chuẩn (87,38%)	Đạt	9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	942/1.078 hộ đạt chuẩn (87,38%)	Đạt

STT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí (Theo QĐ 250 (Bộ tiêu chí cũ))	Quy định đạt chuẩn	Kết quả đánh giá đến 31/12/2022 (Theo QĐ 250 (Bộ tiêu chí cũ))		Nội dung tiêu chí (Theo QĐ 710 (Bộ tiêu chí mới))	Quy định đạt chuẩn	Kết quả đánh giá đến 31/12/2022 (Theo QĐ 710 (Bộ tiêu chí mới))		Ghi chú
				Thực trạng đến 31/12/2022	Đánh giá (Đạt/ không đạt)			Thực trạng đến 31/12/2022	Đánh giá (Đạt/ không đạt)	
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn	Xã vùng I, II: (≥41triệu đồng). Xã vùng III: (≥39triệu đồng)	38 triệu đồng	Chưa đạt	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn (triệu đồng/người/năm)	Năm 2022 Xã vùng I, II: (≥44triệu đồng). Xã vùng III: (≥39triệu đồng)	38 triệu đồng	Chưa đạt	
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều	≤7%	301/1.078 hộ (27,92%)	Không đạt	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025	8.50%	Hộ nghèo: 301/1078 hộ chiếm 27,92%; Cận nghèo: 135/1078 hộ chiếm 12,52%	Chưa đạt	
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người làm có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động.	≥90%	2521/2576 người (99.86%)	Đạt	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥70%	71,0% (2921/4113)	Đạt	
						12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥20%	31,1% (1279/4113)	Đạt	
		13.1 Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật hợp tác xã năm 2012	Đạt	Xã có HTX (Giấy chứng nhận đăng ký HTX số 5901124507)	Đạt	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã	Đạt	Đạt	Đạt	
		13.2 xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững.	Đạt	Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản	Đạt	13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt	Đạt	Đạt	

Handwritten signature

STT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí (Theo QĐ 250 (Bộ tiêu chí cũ))	Quy định đạt chuẩn	Kết quả đánh giá đến 31/12/2022 (Theo QĐ 250 (Bộ tiêu chí cũ))		Nội dung tiêu chí (Theo QĐ 710 (Bộ tiêu chí mới))	Quy định đạt chuẩn	Kết quả đánh giá đến 31/12/2022 (Theo QĐ 710 (Bộ tiêu chí mới))		Ghi chú
				Thực trạng đến 31/12/2022	Đánh giá (Đạt/ không đạt)			Thực trạng đến 31/12/2022	Đánh giá (Đạt/ không đạt)	
13	Tổ chức sản xuất					13.3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương	Đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	
						13.4. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường	Đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	
						13.5. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	Đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	
14	Giáo dục và đào tạo	14.1 Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục THCS	Đạt	Phổ cập giáo dục đạt 100%	Đạt	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục THCS; xóa mù chữ	Đạt	Đạt	Đạt	
		14.2 Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp).	≥70%	45/47 học sinh đạt 95,74%	Đạt	14.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)	≥70%	51/68 HS (75%)	Đạt	
		14.3 Tỷ lệ lao động có việc làm đã qua đào tạo	≥25%	708/2.521 người (28,08%)	Đạt					

STT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí (Theo QĐ 250 (Bộ tiêu chí cũ))	Quy định đạt chuẩn	Kết quả đánh giá đến 31/12/2022 (Theo QĐ 250 (Bộ tiêu chí cũ))		Nội dung tiêu chí (Theo QĐ 710 (Bộ tiêu chí mới))	Quy định đạt chuẩn	Kết quả đánh giá đến 31/12/2022 (Theo QĐ 710 (Bộ tiêu chí mới))		Ghi chú
				Thực trạng đến 31/12/2022	Đánh giá (Đạt/ không đạt)			Thực trạng đến 31/12/2022	Đánh giá (Đạt/ không đạt)	
15		15.1 Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	≥85%	100%	Đạt	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥90%	100.00%	Đạt	
		15.2 Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Có 1 trạm Y tế đạt chuẩn	Đạt	15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	Đạt	
		15.3 Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤31,4	110/587 trẻ 18,73%	Đạt	15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤26,5%	110/587 trẻ 18,73%	Đạt	
						15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	≥50%	Chưa đạt	Chưa đạt	
16	Văn hóa	Tỷ lệ thôn, làng đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	≥70%	5/5 làng (100%) đạt thôn làng văn hóa	Đạt	Tỷ lệ thôn, làng đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới	≥80%	100%	Đạt	
		17.1 Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định về bảo vệ môi trường	≥95% ≥50% nước sạch	4438/4608 người, tỷ lệ 96,31%	Đạt	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	≥20% (≥10% từ hệ thống cấp nước tập trung)	4438/4608 người, tỷ lệ 96,31%	Đạt	
		17.2 Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định .	100%	01/01 cơ sở (100%)	Đạt	17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	≥90%	01/01 cơ sở (100%)	Đạt	
		17.3 Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh, sạch đẹp, an toàn.	Đạt	Hàng quý tổ chức dọn vệ sinh 1 lần	Đạt	17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung	Đạt	Đạt	Đạt	

STT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí (Theo QĐ 250 (Bộ tiêu chí cũ))	Quy định đạt chuẩn	Kết quả đánh giá đến 31/12/2022 (Theo QĐ 250 (Bộ tiêu chí cũ))		Nội dung tiêu chí (Theo QĐ 710 (Bộ tiêu chí mới))	Quy định đạt chuẩn	Kết quả đánh giá đến 31/12/2022 (Theo QĐ 710 (Bộ tiêu chí mới))		Ghi chú
				Thực trạng đến 31/12/2022	Đánh giá (Đạt/ không đạt)			Thực trạng đến 31/12/2022	Đánh giá (Đạt/ không đạt)	
17	Môi trường và An toàn thực phẩm	17.4 Mai táng phù hợp với phong tục tập quán, quy định chính quyền và theo quy hoạch.	Đạt	- Xã đã có QH nghĩa trang chung của xã, nhưng chưa xây dựng. - 5/5 thôn có nghĩa trang riêng. - Đã có cấm mốc quy hoạch nghĩa trang chung của xã. - Đã xây dựng quy chế quản lý các nghĩa trang theo QH (đang chờ phê duyệt)	Đạt	17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 2m^2/\text{người}$	Đạt	Đạt	
		17.5 Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, CSSX - KD được thu gom và xử lý theo quy định.	Đạt	Xã đã có điểm thu gom, xử lý chất thải rắn và rác thải bảo vệ thực vật	Đạt	17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt	
		17.6 Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	$\geq 70\%$	Tỷ lệ hộ có nhà tiêu HVS: 979/1052, tỷ lệ 93,06% Tỷ lệ hộ có nhà tắm HVS: 993/1052, tỷ lệ 94,39%. Tỷ lệ hộ có bể chứa nước sinh hoạt HVS: 1005/1052, tỷ lệ 95,53%	Đạt	17.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	$\geq 70\%$	Chưa Đạt	Chưa Đạt	
		17.7 Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	$\geq 60\%$	117/183 hộ, tỷ lệ 82%	Đạt	17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	Chưa Đạt	Chưa Đạt	
		17.8 Tỷ lệ hộ gia đình và CSSX, KD thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	06 hộ SXKD thuộc Phòng NN quản lý 972 hộ Kinh doanh ban đầu nhỏ lẻ do UBND xã quản lý 33 hộ SXKD do Phòng KT-HT quản lý đã có Giấy xác nhận kiến thức ATTP 12 hộ thuộc ngành y tế quản lý đã ký cam kết đảm bảo ATTP 100%	Đạt	17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	$\geq 70\%$	Tỷ lệ hộ có nhà tiêu HVS: 979/1052, tỷ lệ 93,06% Tỷ lệ hộ có nhà tắm HVS: 993/1052, tỷ lệ 94,39%. Tỷ lệ hộ có bể chứa nước sinh hoạt HVS: 1005/1052, tỷ lệ 95,53%	Đạt	

STT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí (Theo QĐ 250 (Bộ tiêu chí cũ))	Quy định đạt chuẩn	Kết quả đánh giá đến 31/12/2022 (Theo QĐ 250 (Bộ tiêu chí cũ))		Nội dung tiêu chí (Theo QĐ 710 (Bộ tiêu chí mới))	Quy định đạt chuẩn	Kết quả đánh giá đến 31/12/2022 (Theo QĐ 710 (Bộ tiêu chí mới))		Ghi chú
				Thực trạng đến 31/12/2022	Đánh giá (Đạt/ không đạt)			Thực trạng đến 31/12/2022	Đánh giá (Đạt/ không đạt)	
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.4 Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên	100%	Kết quả đánh giá 5/5 Đoàn thể như sau: + Hội CCB xã Hoàn thành tốt nhiệm vụ. + UBMTTQVN, Hội LHPN xã hoàn thành tốt nhiệm vụ. + Đoàn thanh niên, Hội Nông dân xã hoàn thành tốt nhiệm vụ.	Đạt	18.4. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	
		18.5 Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Năm 2022 xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	18.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội	Đạt	Đạt	Đạt	
		18.6 Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và HT những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của GD và đời sống xã hội	Đạt	Đảm bảo	Đạt	18.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân. đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn	Đạt	Đạt	Đạt	
		19.1 Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.	Đạt	Đạt	Đạt	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Đạt	Đạt	Đạt	

Handwritten signature

STT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí (Theo QĐ 250 (Bộ tiêu chí cũ))	Quy định đạt chuẩn	Kết quả đánh giá đến 31/12/2022 (Theo QĐ 250 (Bộ tiêu chí cũ))		Nội dung tiêu chí (Theo QĐ 710 (Bộ tiêu chí mới))	Quy định đạt chuẩn	Kết quả đánh giá đến 31/12/2022 (Theo QĐ 710 (Bộ tiêu chí mới))		Ghi chú
				Thực trạng đến 31/12/2022	Đánh giá (Đạt/ không đạt)			Thực trạng đến 31/12/2022	Đánh giá (Đạt/ không đạt)	
						17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	≥60%	117/183 hộ, tỷ lệ 82%	Đạt	
						17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	100%	Đạt	
						17.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥30%	Đạt	Đạt	
						17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥30%	Chưa Đạt	Chưa Đạt	
		18.1 Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	100%	Xã mới chỉ có 17/19 cán bộ, công chức xã đạt chuẩn, chiếm tỷ lệ 89,47%.	Không Đạt	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt	Xã mới chỉ có 17/19 cán bộ, công chức xã đạt chuẩn, chiếm tỷ lệ 89,47%.	Chưa đạt	
		18.2 Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt	Có đủ	Đạt	18.2. Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Đạt	Đạt	
		18.3 Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "Trong sạch, vững mạnh"	Đạt	Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"	Đạt	18.3. Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Đạt	Đạt	

STT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí (Theo QĐ 250 (Bộ tiêu chí cũ))	Quy định đạt chuẩn	Kết quả đánh giá đến 31/12/2022 (Theo QĐ 250 (Bộ tiêu chí cũ))		Nội dung tiêu chí (Theo QĐ 710 (Bộ tiêu chí mới))	Quy định đạt chuẩn	Kết quả đánh giá đến 31/12/2022 (Theo QĐ 710 (Bộ tiêu chí mới))		Ghi chú
				Thực trạng đến 31/12/2022	Đánh giá (Đạt/ không đạt)			Thực trạng đến 31/12/2022	Đánh giá (Đạt/ không đạt)	
19	Quốc phòng và An ninh	19.2 Xã đạt chuẩn an toàn về AN, TTXH và đảm bảo bình yên; không để hình thành, phục hồi các tổ chức phản động hoặc các tổ chức khác hoạt động chống phá Đảng, nhà nước; không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước.	Đạt	Trong năm 2022 trên địa bàn xã có 02 vụ việc giết người, là trọng án	Không đạt	19.2. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em: tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	Trong năm 2022 trên địa bàn xã có 02 vụ việc giết người, là trọng án	Chưa Đạt	
		TỔNG CỘNG theo Bộ tiêu chí cũ		Đạt 14/19 tiêu chí, 44/49 nội dung		TỔNG CỘNG theo Bộ tiêu chí mới		Đạt 10/19 tiêu chí, 41/57 nội dung		



STT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí (Theo QĐ 250 (Bộ tiêu chí cũ))	Quy định đạt chuẩn	Kết quả đánh giá đến 31/12/2022 (Theo QĐ 250 (Bộ tiêu chí cũ))		Nội dung tiêu chí (Theo QĐ 710 (Bộ tiêu chí mới))	Quy định đạt chuẩn	Kết quả đánh giá đến 31/12/2022 (Theo QĐ 710 (Bộ tiêu chí mới))		Ghi chú
				Thực trạng đến 31/12/2022	Đánh giá (Đạt/ không đạt)			Thực trạng đến 31/12/2022	Đánh giá (Đạt/ không đạt)	
19	Quốc phòng và An ninh	19.2 Xã đạt chuẩn an toàn về AN, TTXH và đảm bảo bình yên; không để hình thành, phục hồi các tổ chức phản động hoặc các tổ chức khác hoạt động chống phá Đảng, nhà nước; không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giám liên tục so với các năm trước.	Đạt	Trong năm 2022 trên địa bàn xã có 02 vụ việc giết người, là trọng án	Không đạt	19.2. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em: tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	Trong năm 2022 trên địa bàn xã có 02 vụ việc giết người, là trọng án	Chưa Đạt	
		TỔNG CỘNG theo Bộ tiêu chí cũ		Đạt 14/19 tiêu chí, 44/49 nội dung		TỔNG CỘNG theo Bộ tiêu chí mới		Đạt 10/19 tiêu chí, 44/57 nội dung		